

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
**Quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ
công ích thủy lợi năm 2020**

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020;

Thực hiện công văn số 35/TB-STC ngày 02/3/2021 của Sở Tài chính về việc kiểm tra quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Xuân Thủy, đoàn kiểm tra của Sở Tài Chính và Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn tiến hành thông qua kết quả kiểm tra.

*** THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA:**

1. Sở Tài chính: Phòng Tài chính doanh nghiệp

- | | |
|--------------------------|------------------|
| - Bà: Vũ Thị Thái | Trưởng phòng |
| - Bà: Hoàng Thị Hằng | Phó Trưởng phòng |
| - Ông: Đặng Ngọc Hoàn | Chuyên viên |
| - Bà: Phạm Thị Thu Hương | Chuyên viên |
| - Bà: Nguyễn Diệu Hoa | Chuyên viên |

2. Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn:

- | | |
|------------------------|-------------------------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Hiệu | Phó Trưởng phòng TC - Kế Toán |
|------------------------|-------------------------------|

- Biện pháp tưới, tiêu nước: Công ty đã thực hiện cơ bản theo Quyết định của UBND tỉnh giao.

2. Về quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020:

- Kinh phí được cấp theo diện tích tưới tiêu quyết toán năm 2020: 54.286.561.000 đồng.

- Kinh phí đã cấp theo kế hoạch năm 2020 là: 54.056.600.000 đồng.
Trong đó:

+ Kinh phí còn thừa năm 2019 chuyển sang năm 2020: 394.700.000 đồng.

+ Kinh phí cấp theo diện tích dự toán năm 2020: 54.451.300.000 đồng;

- Kinh phí còn thừa năm 2020: 164.739.000 đồng.

3. Về hồ sơ, chứng từ quyết toán:

Qua quá trình làm việc, đoàn kiểm tra có nhận xét như sau:

- Công ty đã căn cứ văn bản Hướng dẫn số 835/SNN-CCTL ngày 16/9/2019 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai rà soát, xác định khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 đến UBND các xã, Hợp tác xã,....

- Hồ sơ lưu tại Công ty bao gồm có bảng kê đối tượng và diện tích đất tưới, tiêu nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi chi tiết theo từng xã, Hợp tác xã. Bảng kê có xác nhận của Chủ tịch Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, cán bộ địa chính xã, trưởng thôn và của Công ty.

- Đầu tháng 9 năm 2019, Công ty đã tiến hành ký hợp đồng tưới tiêu với các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoặc UBND xã có ghi rõ từng diện tích tưới tiêu kèm theo biện pháp tưới tiêu làm cơ sở để tổng hợp diện tích trình UBND tỉnh.

- Đơn vị đã lập bảng tổng hợp diện tích được hỗ trợ của cả khu vực được phân cấp quản lý theo từng xã có xác nhận của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên và môi trường, và của Ủy ban nhân dân huyện.

- Công ty đã trình UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Tài chính kèm theo báo cáo thuyết minh tăng (giảm) diện tích tưới, tiêu năm 2020 so với thực hiện năm 2019.

Sau khi được UBND tỉnh giao Kế hoạch tưới tiêu, công ty tiến hành thực hiện hợp đồng tưới tiêu đã ký kết với các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoặc UBND xã. Từng đợt tưới, tiêu đều có biên bản nghiệm thu có diện tích kèm theo

biện pháp tươi tiêu. Công ty căn cứ các biên bản nghiệm thu từng đợt tiêu hành nghiệm thu tổng hợp và thanh lý hợp đồng tươi tiêu theo vụ.

4. Kiến nghị: Đề nghị Công ty:

- Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp với các Hợp tác xã, các ngành chức năng của huyện tiến hành rà soát, xác định diện tích tươi tiêu do công ty phục vụ trên địa bàn đầy đủ kịp thời.

- Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp với các Hợp tác xã, các ngành chức năng của huyện hoàn thiện các chứng từ, hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đúng mục đích và chế độ tài chính hiện hành.

5. Ý kiến của người đại diện Công ty:

Nhất trí với kết luận của đoàn kiểm tra, những vấn đề còn tồn tại Công ty sẽ tiếp thu và hoàn thiện.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau: mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT SỞ TÀI CHÍNH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV
PHÒNG QL NƯỚC CHỦ TỊCH

Phòng TC-KT Kiểm soát viên



Nguyễn Văn Hiệu Mai Hồng Diên Vũ Thị Thái
Nguyễn Quốc Toàn Đặng Mạnh Dương

BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN ĐIỆN TÍCH, KINH PHÍ HỖ TRỢ
(Kèm theo Biên bản kiểm tra Quyết toán kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 tại Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy)

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch	
					Số lượng	Tỷ lệ (%)
A	B	C	1	2	3=2-1	4=2/1*100
I	Diện tích tưới, tiêu	Ha	49.625,30	49.625,30	-	100
1	Lúa		26.142,98	26.142,98	-	
1.1	Vụ Chiêm	Ha	13.071,49	13.071,49	-	
a	Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha	2.898,90	2.898,90		
b	Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều (chủ động)	Ha	375,00	375,00		
c	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ (chủ động)	Ha	9.797,59	9.797,59		
1.2	Vụ Mùa	Ha	13.071,49	13.071,49	-	
a	Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha	1.535,90	1.535,90	-	
b	Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều (chủ động)	Ha	485,00	485,00		
c	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ (chủ động)	Ha	11.050,59	11.050,59		
2	Mạ, màu, cây công nghiệp, cây vụ đông	Ha	10.543,04	10.543,04	-	
2.1	Vụ Chiêm		3.124,01	3.124,01	-	
a	Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha	1.932,55	1.932,55		
b	Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều (chủ động)	Ha				
c	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ (chủ động)	Ha	1.191,46	1.191,46		
2.2	Vụ Mùa	Ha	3.124,01	3.124,01	-	
a	Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha	1.932,55	1.932,55		
b	Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều (chủ động)	Ha				
c	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ (chủ động)	Ha	1.191,46	1.191,46		
2.3	Vụ Đông	Ha	4.295,02	4.295,02	-	
a	Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha	1.898,56	1.898,56	-	
b	Tưới tiêu trọng lực ảnh hưởng thủy triều (chủ động)	Ha				
c	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ (chủ động)	Ha	2.396,46	2.396,46		
3	Cây CN dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu	Ha	-	-	-	
a	Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha				
b	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực (chủ động)	Ha				
4	Diện tích muối	Ha	439,11	439,11		

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch	
					Số lượng	Tỷ lệ (%)
5	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	4.651,73	4.651,73	-	-
a	Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha	2.161,63	2.161,63	-	-
b	Tưới tiêu bằng trọng lực ảnh hưởng thủy triều (chủ động)	Ha	2.490,10	2.490,10	-	-
6	Diện tích tưới thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	Ha	7.848,44	7.848,44	-	-
a	Tưới tiêu bằng bơm điện (chủ động)	Ha				
b	Tưới tiêu bằng trọng lực ảnh hưởng thủy triều (chủ động)	Ha				
c	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ (chủ động)	Ha	7.848,44	7.848,44		
II	Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	1.000đ	54.451.300	54.286.561	(164.739)	(164.739)
1	Kinh phí được cấp theo diện tích tưới tiêu	1.000đ	54.451.300	54.286.561	(164.739)	(164.739)
a	Lúa	1.000đ	37.159.787	37.159.787	-	-
b	Mà, màu, CCN, cây vụ đông	1.000đ	6.469.335	6.469.335	-	-
c	Cây CN dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu	1.000đ	-	-	-	-
d	Sản xuất muối	1.000đ	1.756.440	1.756.440	-	-
e	Người trồng thủy sản	1.000đ	8.516.700	8.516.700	-	-
f	Tiền thoát nước mặt khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	1.000đ	549.038	384.299	(164.739)	(164.739)
2	Trà Công ty Bắc Nam Hà	1.000đ	-	-		
	- Vụ chiêm	1.000đ				
	- Vụ mùa	1.000đ				